TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 150/2017/DSPT

Ngày 15 - 12 - 2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.
Các Thẩm phán: 1.Bà Lê Thị Thanh Huyền.
2. Ông Trịnh Văn Toàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐắkLắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Ông Kiều Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lýsố 147/2017/TLPT- DS ngày 18/10/2017, về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DSST ngày 01/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/QĐPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q; cùng trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Đều có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H; trú tại: HV, phường AB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Phạm Giáo L, ông Phạm Duy H1; cùng trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Đều có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Phương L1; trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bà Bùi Thị N; trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3. Ông Võ V; trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk;có mặt.

4. Bà Phạm Thị Kim T1; trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị H2; trú tại: Tổ dân phố A1, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

6. Bà Phạm Thị H3; trú tại NT, Tp B1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị C; trú tại: Tổ dân phố A2, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà T1, bà H2, bà H3, bà C: Ông Võ V; trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

8. Ông Võ Trung V1; trú tại: CĐ, CR, Tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

9. Ông Phạm Văn D; trú tại: Phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

10. Ông Phạm Đức T2; trú tại: Phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

11. Ông Võ Viết H4; trú tại: Tổ dân phố A1, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk;có mặt.

12. Ông Võ Viết T3; trú tại: Thôn A3, xã TH, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông; có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Ông Võ Đình T4; trú tại: Phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

14. Ông Võ Xuân V2; trú tại: Phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

15. Bà Phạm Thị Hồng M; trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

16. Bà Phạm Thị Thùy H5; trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

17. Ông Phạm Ngọc L2; trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đonông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huy H trình bày:

Năm 1978 ông Phạm Ngọc T được ông Phạm T5 là cha đẻ cho 01 lô đất có diện tích 450m^2, đến ngày 20/5/1991 thì ông T được UBND huyện KB cấp giấy CNQSDĐ số A088346 mang tên Phạm Ngọc T, lô đất thuộc thửa đất số 416, tờ bản đồ số 27, diện tích 450m^2, toạ lạc tại xã TN, huyện KB (Nay là phường B, thị xã BH). Vị trí tứ cận của lô đất như sau: Phía Đông giáp đất ông Phạm T5 (Nay do ông Phạm T5 đã chết, ông Phạm Giáo L là con trai của ông T5 đang quản lý sử dụng) phía Tây giáp đất ông H6, phía Nam giáp đường HV, phía Bắc giáp đất nhà ông Nguyễn Xuân L3.

Từ năm 1991 đến năm 2000, ông T và vợ là Nguyễn Thị Q vẫn sử dụng ổn định lô đất này và có xây dựng tạm 01 căn nhà ván gỗ nhỏ để ở (Đến nay căn nhà này đã bị mối mọt nên không còn, lô đất là đất trống). Quá trình sử dụng không có tranh chấp với ai. Năm 2000 vợ chồng ông T chuyển đến nơi khác để làm ăn, ông Phạm T5 và em trai ông T là Phạm Giáo L, Phạm Duy H1 ở ngay liền kề nên vợ chồng ông T để lô đất và căn nhà nhờ ông H1, ông L trông coi quản lý. Đến năm 2010 vợ chồng ông T phát hiện ông Phạm Giáo L, ông Phạm Duy H1 lấn chiếm đất, cụ thể:

Ông Phạm Giáo L lấn chiếm 121m^2. Trên đất có nhà và các công trình phụ. Phần đất ông L lấn chiếm có tứ cận như sau: Phía Đông giáp Quốc lộ 14, phía Tây giáp đất của gia đình ôngT, nhưng bị ông Phạm Duy H1 lấn chiếm, phía Nam giáp đất ông T, phía Bắc giáp đất ông T5.

Ông Phạm Duy H1 lấn chiếm phần đất diện tích 87m^2. Trên đất ông H1 xây dựng một số công trình phụ như: Nhà tắm, nhà vệ sinh. Phần đất ông H1 lấn chiếm có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất của gia đình ông T, Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Xuân L3, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Tiến H6, phía Bắc giáp đất ông Phạm DuyH1.

Sau đó vợ chồng ông T đã yêu cầu ông L, ông H1 tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên đất và yêu cầu trả lại phần đất lấn chiếm nhưng ông L và ông H1 vẫn cố tình không hợp tác, vẫn ngang nhiên chiếm đoạt sử dụng đất của vợ chồng ông T. Từ năm 2010 đến nay dù vợ chồng ông T đã nhờ chính quyền UBND phường B, thị xã BH xuống xác minh đo đạc lại ranh giới, tổ chức hoà giải và yêu cầu ông L, ông H1 trả lại phần đất đã lấn chiếm, nhưng ông L, ông H1 vẫn không trả lại đất đã lấn chiếm.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông T, tôi đề nghị TAND thị xã Buôn Hồ giải quyết buộc ông Phạm Giáo L, Phạm Duy H1 phải trả lại cho vợ chồng ông T diện tích đất đã lấn chiếm nêu trên.

- Bị đơn ông Phạm Giáo L trình bày:

Trước đây bố mẹ tôi là ông Phạm T5 và bà Nguyễn Thị L4 có một lô đất toạ lạc tại phường B, thị xã BH, diện tích khoảng: 30m x 30m = 900m^2. Năm 1991 ông Phạm Ngọc T tự ý mang giấy tờ đi làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một cái số A088346 mang tên Phạm Ngọc T và một cái số A088344

mang tên Phạm T5. Năm 1996 gia đình phát hiện ông Phạm Ngọc T tự ý đi làm các giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất trên nên gia đình đã làm đơn khiếu nại gửi UBND xã TN, huyện KB. Đến ngày 07/01/2002 gia đình chúng tôi gồm: Ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Giáo L, ông Phạm Duy H1, bà Phạm Thị M1 (đãchết), bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị H3, bà Phạm Thị Kim T1cùng ông Phạm T5 là bố của chúng tôi đã làm giấy thống nhất chia đều lô đất được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Ông Phạm Giáo L10m ngang X 23,65m dài, ông Phạm T510m ngang X 23,65m dài, ông Phạm Ngọc T 10m ngang X 23,65m dài, ông Phạm Duy H1 một lô phía sau có diện tích 7,8m mặt trước,30m chiều dài, 5,6m mặt sau. Tất cả anh chị em trong gia đình đều đồng ý và ký tên có xác nhận của cán bộ Tư pháp và Chủ tịch UBND xã TN. Nhưng ông T có xin thêm 2m mặt tiền thì bố tôi và các anh em trong gia đình đều đồng ý. Ngày 17/11/2008 ông Phạm T5 có để lại di chúc cho hai vợ chồng Phạm Giáo L và Nguyễn Thị Phương L1 lô đất đã chia của ông Phạm T5 diện tích 10m ngang X 23,65m dài. Năm 2011 ông T, bà Q xây hàng rào kẽm gai, cọc bê tông kéo dài từ đầu lô đất có mặt tiền 12m đến sát chuồng bò của nhà ôngL có chiều dài khoảng 12m.

Nay ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q yêu cầu lấy lại phần đất diện tích khoảng 121 m^2. Trên phần đất có nhà và công trình phụ thì tôi không đồng ý trả vì tôi đã sử dụng lô đất trên ổn định từ năm 2002 đến nay. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đồng bị đơn ông Phạm Duy H1:

Tôi đồng ý với ý kiến và lời trình bày của anh Phạm Giáo L, không bổ sung gì thêm. Nay ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q yêu cầu tôi trả lại tổng diện tích đất lấn chiếm là 87m^2, trên đất có một số công trình phụ như nhà tắm, nhà vệ sinh thì tôi không đồng ý.

- Ý kiến ***của người liên quan bà Nguyễn Thị PhươngL1***:

Tôi đồng ý với lời trình bày của chồng tôi ông Phạm Giáo L. Không bổ sung gì thêm. Không đồng ý trả phần đất theo yêu cầu của ông T, bà Q.

- Ý kiến của người liên quan bà Bùi Thị N:

Tôi đồng ý với lời trình bày của chồng tôi ông Phạm Duy H1. Không bổ sunggì thêm. Không đồng ý trả phần đất theo yêu cầu của ôngT, bà Q.

- Ý kiến của người liên quan ông Võ V:

Đồng ý với ý kiến của ông Phạm Giáo L, ông Phạm Duy H1 không bổ sung gì thêm.

- Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Trung V1, ông Võ Viết H4, ông Võ Viết T3; ông Võ Đình T4, ông Võ Xuân V2:

Đều có chung ý kiến: Là con của ông Võ V và bà Phạm Thị M1 (đã chết), trong vụ án này ông V1, ông H4, ông T3, ông T4, ông V2 đều trình bày không

liên quan và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D, ông Phạm Đức T2, bà Phạm Thị Hồng M:

Đều có chung ý kiến: Là con của ông Phạm Duy H1, bà Bùi Thị N, trong vụ án này ông D, ông T2 và bà M đều trình bày không liên quan và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thuỳ H5, ông Phạm Ngọc L2:

Đều có chung ý kiến: Là con của ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn thị Phương L1, trong vụ án này ông L2, bà H5 đều trình bày không liên quan và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DSST ngày 01/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã quyết định:

- Áp dụng: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Điền 143; Điều 147; Điều 157; Điều 65 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Các Điều 131; 690; 691; 693 Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 3 Điều 38 Luật Đất đai năm 1993.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q:

Buộc ông Phạm Giáo L, bà Nguyễn Thị Phương L1 phải trả lại cho ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q diện tích đất lấn chiếm và tháo dỡ các tài sản gắn liền với đất gồm: Diện tích đất 12,4m^2 (02m ngang X 6,2m dài), vị trí như sau: Phía Đông giáp đất ông T có cạnh dài 2m, phía Tây giáp đất ông H1 có cạnh dài 2m, phía Nam giáp đất ông T cạnh dài 6,2m, phía Bắc giáp đất ông L cạnh dài 6,2m. Toạ lạc tại tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, Đắk Lắk. Trên đất có gắn liền 01 phần công trình phụ có tổng diện tích 8,6m^2 (4,3m x 2m), có kết cấu nền láng xi măng, tường gạch, mái lợp tôn thiếc, vì kèo gỗ; 01 phần sân có tổng diện tích 3,8m^2 (1,9m X 2m), có kết cấu sân lót đá 4 X 6, cửa xi măng mác 50, dày 10cm, mặt láng vữa xi măng dày 3cm. Lô đất nằm trong tổng diện tích đất 450m^2 được cấp GCNQSDĐ số A 088346, ngày 20/5/1991 mang tên ông Phạm Ngọc T.

Đối với tài sản gắn liền với đất ông L, bà L1 không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu ông Phạm Duy H1 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là

87m^2 (5,8m X 15m), trên đất có 01 phần căn nhà diện tích 59,74m^2 (5,8m x 10,3m), 01 sân có diện tích 27,26m^2 (4,7m x 5,8m). Lô đất nằm trong tổng diện tích đất 450m^2 được cấp GCNQSDĐ số A 088346, ngày 20/5/1991 mang tên ông Phạm Ngọc T.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q tự nguyện chịu 1.550.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản được khấu trừ 1.550.000đ tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về án phí: Ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q phải chịu 33.046.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm bốn sáu nghìn đồng) tiền án phí DSST. Được khấu trừ 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0043203 ngày 30/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH. Ông T, bà Q còn phải chịu 29.296.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí DSST.

Vợ chồng ông Phạm Giáo L, bà Nguyễn Thị Phương L1 phải chịu 3.127.000đ án phí DSST.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2017 nguyên đơn ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 01/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 01/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q cho rằng lô đấtthuộc thửa đất số 416, tờ bản đồ số 27, diện tích 450m^2, toạ lạc tại xã TN, huyện KB, được UBND huyện KB cấp GCNQSDĐ số A 088346 ngày 20/5/1991, mang tên Phạm Ngọc T thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông T, bà Q. Nhưng xét thấy tại "Giấy phân chia lô gia cư" ngày 06/01/2002 (Bút lục số 129), ông Phạm Ngọc T cùng các thành viên trong gia đình là ông Phạm T5, ông Phạm Giáo L, ông Phạm Duy H1, bà Phạm Thị M1, bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị H3, bà Phạm Thị Kim T1 đã thống nhất với nhau phân chia lô gia cư cụ thể: Ông L 10m ngang x 23,65m dài; ông T5 10m ngang x 23,65m dài; ông T 10m ngang x 23,65m dài; còn lô đất chia cho ông H1 là ở phía sau cụ thể 7,8m mặt trước, 5,9m mặt sau, 30m chiều dài.

Tại di chúc phân chia tài sản (Bút lục số 124) ông T cũng đã đồng ý với việc ông T5 để lại lô đất diện tích 10m x 23,65m của ông T5 mà trước đây đã được phân chia tại "Giấy phân chia lô gia cư" ngày 06/01/2002, cho ông L và bà L1.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/3/2011 của UBND phường B (Bút lục số 126) ông T cùng các thành viên trong gia đình là ông Phạm T5, ông Phạm Giáo L, ông Phạm Duy H1, bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị H3, bà Phạm Thị Kim T1 cũng đã thống nhất phần đất chia cho ông T là 10m và đồng ý cho thêm ông T 02m mặt tiền kéo thẳng ra sau đến giáp phần đất của ông H1.

Như vậy mặc dù ngày 20/5/1991 ông T đã được UBND huyện KB cấp GCNQSDĐ số A 088346 đối với lô đất thuộc thửa đất số 416, tờ bản đồ số 27, diện tích 450m^2, toạ lạc tại xã TN, huyện KB. Nhưng sau đó ông T đã đồng ý phân chia lô đất thuộc quyền sở hữu của mình và ký vào "Giấy phân chia lô gia cư", di chúc do ông T5 để lại, cũng như biên bản hòa giải tại UBND phường TN. Ông T cũng đã thừa nhận có ký vào các biên bản nêu trên (Bút lục số 102, 103, 104). Vì vậy lô đất mà ông T được phân chia chỉ là 12m chiều ngang chứ không phải là 15m chiều ngang như trong GCNQSDĐ đã cấp.

[2.2] Xét yêu cầu buộc ông H1trả lại 87m^2 đất lấn chiếm là không có cơ sở. Vì tại các biên bản thỏa thuận phân chia của gia đình ông T thì lô đất mà ông T được chia có chiều dài chỉ là 23,6m. Nhưng tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ (Bút lục số 135-136) thì thực tế lô đất ông T đang quản lý sử dụng có chiều

dài là 24,2m. Như vậy không có căn cứ để nói rằng ông H1 lấn chiếm đất của ông T.

[2.3] Xét yêu cầu buộc ông L trả lại 121m^2 đất lấn chiếm: HĐXX xét thấy tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ (Bút lục số 135-136), thực tế ông L có lấn chiếm vào phần đất của ông T cụ thể là 12,4m^2, có vị trí: Đông giáp đất ông Tcạnh dài 2m; Tây giáp đất ông H1 cạnh dài 2m; Nam giáp đất ông T cạnh dài 6.2m; Bắc giáp đất ông L cạnh dài 6.2m. Như vậy bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông L trả lại 12,4m^2 đất lấn chiếm. Trên đất có gắn liền 01 phần công trình phụ có tổng diện tích 8,6m^2 (4,3m x 2m), có kết cấu nền láng xi măng, tường gạch, mái lợp tôn thiếc, vì kèo gỗ; 01 phần sân có tổng diện tích 3,8m^2 (1,9m x 2m), có kết cấu sân lót đá 4 x 6, cửa xi măng mác 50, dày 10cm, mặt láng vữa xi măng dày 3cm là có căn cứ.

Do vậy, kháng cáo của ông T bà Q là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q không được chấp nhận nên ông T, bà Q phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơnông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 01/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơnông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q.

Buộc ông Phạm Giáo L, bà Nguyễn Thị Phương L1 phải trả lại cho ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q diện tích đất lấn chiếm và tháo dỡ các tài sản gắn liền với đất gồm: Diện tích đất 12,4m^2 (02m ngang x 6,2m dài), vị trí như sau: Phía Đông giáp đất ông T có cạnh dài 2m, phía Tây giáp đất ông H1 có cạnh dài 2m, phía Nam giáp đất ông T cạnh dài 6,2m, phía Bắc giáp đất ông L cạnh dài 6,2m. Toạ lạc tại tổ dân phố A, phường B, thị xã BH, Đắk Lắk. Trên đất có gắn liền 01 phần công trình phụ có tổng diện tích 8,6m^2 (4,3m x 2m), có kết cấu nền láng xi măng, tường gạch, mái lợp tôn thiếc, vì kèo gỗ; 01 phần sân có tổng diện tích 3,8m^2 (1,9m x 2m), có kết cấu sân lót đá 4 x 6, cửa xi măng mác 50, dày 10cm, mặt láng vữa xi măng dày 3cm. Lô đất nằm trong tổng diện

tích đất 450m^2 được cấp GCNQSDĐ số A 088346, ngày 20/5/1991 mang tên ông Phạm Ngọc T.

Đối với tài sản gắn liền trên đất: Ông L, bà L1 không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm NgọcT, bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu ông Phạm Duy H1 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 87m^2 (5,8m X 15m), trên đất có 01 phần căn nhà diện tích 59,74m^2 (5,8m x 10,3m), 01 sân có diện tích 27,26m^2 (4,7m x 5,8m). Lô đất nằm trong tổng diện tích đất 450m^2 được cấp GCNQSDĐ số A 088346, ngày 20/5/1991 mang tên ông Phạm Ngọc T.

[3]Về án phí DSST:

- Ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị QPhải chịu 33.046.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí DSST. Được khấu trừ 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0043203 ngày 30/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH. Ông T, bà Q còn phải chịu 29.296.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí DSST.

- Vợ chồng ông Phạm Giáo L, bà Nguyễn Thị Phương L1 phải chịu 3.127.000đ án phí DSST.

[4] Về án phí DSPT:

Ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T, bà Q đã nộp tạm ứng án phí lần lượt theo biên lai số AA/2016/0003884 ngày 18/9/2017 và biên lai thu số AA/2016/0003883 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH. - Cổng thông tin điện tử Tòa án;

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND Tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. BH;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Dần